

Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023



Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023



Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	11 - 47

Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0801210129 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 31 tháng 3 năm 2017. Công ty cũng đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 14 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 17 tháng 3 năm 2023.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là hoạt động tư vấn quản lý, kinh doanh các sản phẩm nhựa, và xuất bản phần mềm.

Vào ngày 28 tháng 7 năm 2020, Công ty đã chính thức được chấp thuận niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là APH.

Công ty có trụ sở chính tại Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

Công ty có văn phòng đại diện có địa chỉ tại Tầng 17, Tòa nhà PV Oil, số 148 Hoàng Quốc Việt, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Ánh Dương	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Lê Trung	Phó Chủ tịch	
Bà Nguyễn Thị Tiệp	Phó Chủ tịch Thường trực	bổ nhiệm ngày 6 tháng 2 năm 2023
	Thành viên	từ ngày 1 tháng 1 năm 2023 đến ngày 5 tháng 2 năm 2023
Ông Đinh Xuân Cường	Phó Chủ tịch	miễn nhiệm ngày 27 tháng 1 năm 2023
	Thành viên	miễn nhiệm ngày 8 tháng 5 năm 2023
Ông Phạm Đỗ Huy Cường	Thành viên	
Ông Nirav Sudhir Patel	Thành viên	
Ông Nguyễn Lê Thăng Long	Thành viên	
Ông Lim Heon Young	Thành viên	

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Phạm Thị Hoa	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Thúy Nga	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Hoàng Anh	Thành viên

Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Đỗ Huy Cường	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Thường trực kiêm Giám đốc Tài chính	bổ nhiệm ngày 27 tháng 1 năm 2023 miễn nhiệm ngày 27 tháng 1 năm 2023
Ông Đinh Xuân Cường Bà Nguyễn Thị Tiệp	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Thường trực	miễn nhiệm ngày 27 tháng 1 năm 2023 bổ nhiệm ngày 27 tháng 1 năm 2023
Ông Phạm Văn Tuấn Ông Nguyễn Lê Thăng Long Bà Hòa Thị Thu Hà	Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng giám đốc	bổ nhiệm ngày 27 tháng 1 năm 2023
Bà Trần Thị Thoản	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 1 tháng 6 năm 2023

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 1 tháng 1 năm 2023 đến ngày 26 tháng 1 năm 2023 là Ông Đinh Xuân Cường và từ ngày 27 tháng 1 năm 2023 đến ngày lập báo cáo là Ông Phạm Đỗ Huy Cường.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 đề ngày 29 tháng 8 năm 2023.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Phạm Đỗ Hữu Cường
Tổng Giám đốc

Hải Dương, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2023

Số tham chiếu: 12111413/67376390/LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings (“Công ty”) được lập ngày 29 tháng 8 năm 2023 và được trình bày từ trang 6 đến trang 47, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Trịnh Hoàng Anh
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2071-2023-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 30 tháng 6 năm 2023


Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		89.265.656.354	104.935.085.241
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	3.612.708.501	3.598.465.910
111	1. Tiền		3.612.708.501	598.465.910
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	3.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	5	28.500.000.000	28.500.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		28.500.000.000	28.500.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		55.646.266.097	65.102.836.491
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	30.170.698.069	28.598.459.549
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	7.506.665.073	10.540.000.000
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		-	4.870.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	27.519.809.447	27.724.789.545
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.1, 7	(9.550.906.492)	(6.630.412.603)
140	IV. Hàng tồn kho	8	888.700.053	6.404.048.807
141	1. Hàng tồn kho		888.700.053	6.404.048.807
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		617.981.703	1.329.734.033
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		617.981.703	1.329.734.033
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		3.214.047.126.928	3.444.391.267.501
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		866.140.358	866.140.358
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	866.140.358	866.140.358
220	II. Tài sản cố định		4.891.873.496	6.341.397.264
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	1.784.905.231	3.073.565.781
222	Nguyên giá		4.215.629.645	5.269.073.281
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(2.430.724.414)	(2.195.507.500)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	3.106.968.265	3.267.831.483
228	Nguyên giá		3.609.829.953	3.609.829.953
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(502.861.688)	(341.998.470)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn	11	3.575.120.688	2.268.200.430
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		3.575.120.688	2.268.200.430
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	12	3.203.742.855.083	3.433.689.845.867
251	1. Đầu tư vào công ty con		3.203.742.855.083	3.433.689.845.867
260	V. Tài sản dài hạn khác		971.137.303	1.225.683.582
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		971.137.303	1.225.683.582
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		3.303.312.783.282	3.549.326.352.742

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		707.987.022.227	694.985.308.451
310	I. Nợ ngắn hạn		530.371.551.172	246.354.666.361
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	1.718.990.256	14.739.559.200
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	8.162.298.003	5.932.962.501
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	423.725.331	5.347.007.382
314	4. Phải trả người lao động		2.367.187.727	3.609.444.296
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	13.624.409.318	15.100.273.973
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		208.333.331	458.333.333
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	17	2.914.664.023	11.810.266.643
320	8. Vay ngắn hạn	18	500.951.943.183	189.356.819.033
330	II. Nợ dài hạn		177.615.471.055	448.630.642.090
337	1. Phải trả dài hạn khác	17	5.705.471.055	-
338	2. Vay dài hạn	18	171.910.000.000	448.630.642.090
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.595.325.761.055	2.854.341.044.291
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	2.595.325.761.055	2.854.341.044.291
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		2.438.842.680.000	2.511.991.480.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		2.438.842.680.000	2.438.842.680.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	73.148.800.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		28.504.818.180	169.232.179.100
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		127.978.262.875	173.117.385.191
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước		173.117.385.191	111.887.701.260
421b	- (Lỗ)/lợi nhuận chưa phân phối kỳ này		(45.139.122.316)	61.229.683.931
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		3.303.312.783.282	3.549.326.352.742


 Hồ Thị Hòa
 Người lập kiểm Kế toán trưởng



Phạm Đỗ Huy Cường
 Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.1	16.771.419.146	79.463.585.017
10	2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.1	16.771.419.146	79.463.585.017
11	3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	21	(10.593.863.469)	(59.434.458.758)
20	4. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ		6.177.555.677	20.029.126.259
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	20.2	44.382.926.193	147.525.308.381
22 23	6. Chi phí tài chính <i>Trong đó: Chi phí lãi vay và lãi trái phiếu (không bao gồm chi phí phát hành trái phiếu)</i>	22	(67.670.310.735) (33.932.415.499)	(54.830.397.719) (29.140.533.466)
25	7. Chi phí bán hàng		(64.101.504)	(1.624.885.298)
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	(26.432.554.732)	(20.495.532.826)
30	9. (Lỗ)/lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(43.606.485.101)	90.603.618.797
31	10. Thu nhập khác		100.698.660	150.566.969
32	11. Chi phí khác		(1.129.639.382)	-
40	12. (Lỗ)/lợi nhuận khác		(1.028.940.722)	150.566.969
50	13. Tổng (lỗ)/lợi nhuận trước thuế		(44.635.425.823)	90.754.185.766
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25.1	-	(9.876.640.086)
60	15. (Lỗ)/lợi nhuận sau thuế TNDN		(44.635.425.823)	80.877.545.680


Hồ Thị Hòe
Người lập kiểm Kế toán trưởng


Phạm Đỗ Huy Cường
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	(Lỗ)/lợi nhuận trước thuế		(44.635.425.823)	90.754.185.766
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình	23	509.098.777	391.600.500
03	Các khoản dự phòng	6.1, 7	2.920.493.889	-
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại		(49.348.133)	(303.822.615)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(14.085.227.189)	(123.638.615.958)
06	Chi phí lãi vay và lãi trái phiếu (bao gồm chi phí phát hành trái phiếu)	22	37.499.526.623	31.815.533.464
08	Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(17.840.881.856)	(981.118.843)
09	Giảm các khoản phải thu		1.423.589.187	60.909.978.660
10	Giảm hàng tồn kho		5.515.348.754	5.595.418.659
11	Giảm các khoản phải trả		(24.895.767.514)	(8.898.535.434)
12	Giảm chi phí trả trước		966.298.609	364.057.870
14	Tiền lãi vay đã trả		(27.919.714.033)	(39.736.752.636)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.988.526.228)	(5.500.000.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động kinh doanh		(65.739.653.081)	11.753.048.276
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(490.000.000)	(2.197.205.211)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		1.000.000.000	-
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(448.600.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		4.870.000.000	292.675.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(244.810.430.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		233.747.110.000	523.976.937.059
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		10.517.396.250	8.941.870.604
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		249.644.506.250	129.986.172.452

007
Y
DU
M
NH
P

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
32	Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		(213.876.160.920)	-
33	Tiền thu từ đi vay		361.884.259.278	27.791.731.406
34	Tiền trả nợ gốc vay		(330.576.888.342)	(199.425.470.628)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(1.321.792.759)	(2.799.040.315)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(183.890.582.743)	(174.432.779.537)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		14.270.426	(32.693.558.809)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		3.598.465.910	86.417.051.039
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(27.835)	(836.387)
70	Tiền cuối kỳ	4	3.612.708.501	53.722.655.843



Hồ Thị Hòa
Người lập kiêm Kế toán trưởng



Phạm Đò Huy Cường
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0801210129 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 31 tháng 3 năm 2017. Công ty cũng đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 14 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 17 tháng 3 năm 2023.

Hoạt động chính trong kỳ của Công ty là hoạt động tư vấn quản lý, kinh doanh các sản phẩm nhựa và xuất bản phần mềm.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Vào ngày 28 tháng 7 năm 2020, Công ty đã chính thức được chấp thuận niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là APH.

Công ty có trụ sở chính tại Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

Công ty có văn phòng đại diện có địa chỉ tại Tầng 17, Tòa nhà PV Oil, số 148 Hoàng Quốc Việt, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 là 90 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 85 người).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty có 17 công ty con (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 16 công ty con) với chi tiết như sau:

STT	Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh (“Công ty Nhựa An Phát Xanh”) (***)	Lô CN11+CN12, cụm Công nghiệp An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương	50,17	50,17	Mua bán máy móc, vật tư, nguyên liệu sản phẩm nhựa, sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nhựa
2	Công ty Cổ phần An Tiến Industries (“Công ty An Tiến”) (*)	Khu Công nghiệp phía Nam, xã Văn Tiên, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái	27,52	54,85	Sản xuất sản phẩm từ nhựa plastic, chi tiết sản xuất sản phẩm nhựa
3	Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát (“Công ty An Phát Complex”) (*)	Khu Công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, Km 47, Quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	46,17	92,02	Phát triển hạ tầng khu công nghiệp
4	Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát 1 (“Công ty An Phát Complex 1”) (*)	Khu Công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, Km 47, Quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	23,54	51	Kinh doanh và phát triển hạ tầng khu công nghiệp
5	An Thanh Bicsol Singapore PTE. Ltd (“Công ty An Thành Singapore”) (*)	Số 8, Temasek Boulevard # 44-00 Suntec Tower Three, Singapore	27,52	100	Bán buôn chuyên doanh hạt nhựa PP, PE, PS, PVS, ABS...

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

STT	Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Hoạt động chính
6	Công ty Cổ phần An Thành Bicol (“Công ty An Thành”) (*)	Khu Công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, Km 47, Quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	38,46	99,69	Kinh doanh hạt nhựa và các sản phẩm nhựa.
7	Công ty Cổ phần Liên vận An Tín (“Công ty An Tín”) (*)	Lô CN11+CN12, cụm Công nghiệp An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương	27,25	99	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường ven biển và biển dương.
8	Công ty Cổ phần Nhựa và Bao bì An Vinh (“Công ty An Vinh”) (*)	Khu Công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, Km 47, Quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	50,15	99,95	Sản xuất, mua bán bao bì PP, PE và các sản phẩm bằng nhựa.
9	Công ty An Phát International, Inc. (“Công ty APA”) (*)	Tòa nhà văn phòng 10701, Dãy 268, thành phố Stafford, bang Texas 77477, Mỹ	50,17	99,999	Đầu tư, kinh doanh các sản phẩm màng mỏng và các sản phẩm nhựa khác
10	Công ty AFC EcoPlastics, LLC (“Công ty AFC”) (*)	PO Box 1831, thành phố Austin, bang Texas 78767, Mỹ	37,63	75	Kinh doanh hạt nhựa
11	Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội (“Công ty Nhựa Hà Nội”) (*)	Tổ 12, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, thành phố Hà Nội	51,46	75,10	Sản xuất, mua bán các sản phẩm nhựa công nghiệp và các loại khuôn mẫu.
12	Công ty TNHH An Trung Industries (“Công ty An Trung”) (*)	Khu Công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, Km 47, Quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	51,46	100	Sản xuất hạt nhựa và các sản phẩm nhựa.
13	Công ty TNHH Phát triển Xuất nhập khẩu và Đầu tư – VIEXIM (“Công ty VIEXIM”) (*)	Thôn Hào, xã Liêu Xá, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	51,46	100	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm về nhựa.
14	Công ty TNHH MTV Cơ khí chính xác và chế tạo khuôn mẫu Việt Nam (“Công ty VMC”) (*)	Khu Công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, Km 47, Quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	51,46	100	Sản xuất sản phẩm gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại.
15	Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Công nghệ cao An Cường (“Công ty An Cường”) (*)	Khu Công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, Km 47, Quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	48,84	94,88	Sản xuất vật liệu xây dựng, vật liệu trang trí nội thất.
16	Công ty Cổ phần Sản xuất PBAT An Phát (“Công ty PBAT”) (*) (**)	Lô CN5-04 Khu Phi thuế quan và Khu Công nghiệp Nam Đình Vũ – Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, Hải Phòng	40,01	94,02	Sản xuất sản phẩm từ nhựa plastic, chi tiết sản xuất sản phẩm nhựa
17	Công ty Cổ phần Ankor Bioplastics (“Công ty Ankor”) (*) (***)	216, Munmakgongdangil, quận Munmak, thành phố Wonju, tỉnh Gangwon, Hàn Quốc	18,80	51	Sản xuất nhựa phân hủy sinh học và các sản phẩm thân thiện với môi trường

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

- (*) Công ty sở hữu các công ty con này trực tiếp và gián tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc một số công ty con khác, theo đó, tỷ lệ lợi ích trong các công ty con này khác với tỷ lệ biểu quyết.
- (**) Trong tháng 2 năm 2023, Công ty đã chuyển nhượng 8.400.000 cổ phần Công ty PBAT, tương đương tỷ lệ sở hữu trực tiếp là 28,38% với tổng giá phí 117,6 tỷ VND. Theo đó, Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh nhận chuyển nhượng 5.300.000 cổ phần, Công ty Nhựa Hà Nội nhận chuyển nhượng 3.100.000 cổ phần. Sau giao dịch này, Công ty không còn sở hữu cổ phần trong Công ty PBAT.
- (***) Trong tháng 6 năm 2023, Công ty đã bán 10.000.000 cổ phần Công ty Nhựa An Phát Xanh thông qua hình thức khớp lệnh trên sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, tương đương tỷ lệ sở hữu trực tiếp là 2,62% với tổng giá trị 116,1 tỷ VND.
- (****) Trong tháng 6 năm 2023, Công ty PBAT, công ty con, đã hoàn tất việc mua 86.982 cổ phần của Công ty Ankor, tương đương tỷ lệ sở hữu 47%. Cũng trong tháng 6 năm 2023, Công ty PBAT được ủy quyền biểu quyết 4% từ một số cổ đông và đạt được tỷ lệ biểu quyết 51%. Sau giao dịch này, Công ty Ankor trở thành công ty con của Công ty.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 12. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (“báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ”) đề ngày 29 tháng 8 năm 2023.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") và được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được áp dụng nhất quán với với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ với giá trị được xác định như sau:

Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa, công cụ dụng cụ - Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.6 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	8 năm
Máy móc, thiết bị	6 - 8 năm
Phương tiện vận tải	8 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 - 10 năm
Phần mềm máy tính	3 - 18 năm
Bản quyền, bằng sáng chế	18 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng:

- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- ▶ Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh lớn; và
- ▶ Các chi phí khác.

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm nắm giữ quyền kiểm soát được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.13 Cổ phiếu ưu đãi

Cổ phiếu ưu đãi được phân loại là nợ phải trả nếu bắt buộc người phát hành phải mua lại cổ phiếu ưu đãi đó tại một thời điểm đã được xác định trong tương lai và nghĩa vụ mua lại cổ phiếu phải được ghi rõ ngay trong hồ sơ phát hành tại thời điểm phát hành cổ phiếu. Cổ phiếu ưu đãi được phân loại là vốn chủ sở hữu nếu người phát hành không có nghĩa vụ phải mua lại cổ phiếu ưu đãi đó.

3.14 Trái phiếu hoán đổi

Trái phiếu hoán đổi, mà có thể được hoán đổi thành một số lượng cổ phiếu phổ thông cố định của Công ty, được phân chia thành nợ phải trả tài chính (cho phần thỏa thuận mang tính bắt buộc phải chi trả bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác) và vốn chủ sở hữu (phần quyền hoán đổi thành cổ phiếu trong một thời gian nhất định) trừ trường hợp không có yếu tố công cụ vốn trong trái phiếu theo điều khoản hợp đồng (toàn bộ khoản trái phiếu được ghi nhận là nợ phải trả).

Trái phiếu hoán đổi, mà có thể được hoán đổi thành một số lượng cổ phiếu phổ thông của đơn vị, khác với đơn vị phát hành (Công ty), được ghi nhận toàn bộ là nợ phải trả và trình bày trên chỉ tiêu vay và nợ dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu liên quan đến hoạt động tư vấn và các dịch vụ có liên quan khác được ghi nhận khi dịch vụ được cung cấp và kết quả hợp đồng có thể được xác định một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.17 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và khoản vốn góp liên doanh khi doanh nghiệp có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ, năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân được coi là liên quan.

3.19 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc xác định báo cáo bộ phận của Công ty theo hoạt động kinh doanh dựa trên loại hình sản phẩm và dịch vụ cung cấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Tiền mặt	29.396.560	143.396.560
Tiền gửi ngân hàng (i)	3.583.311.941	455.069.350
Các khoản tương đương tiền	-	3.000.000.000
TỔNG CỘNG	3.612.708.501	3.598.465.910

(i) Bao gồm tiền gửi không kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại.

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	Đơn vị tính: VND			
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Trái phiếu được cam kết mua lại (i)	28.500.000.000	28.500.000.000	28.500.000.000	28.500.000.000
TỔNG CỘNG	28.500.000.000	28.500.000.000	28.500.000.000	28.500.000.000

(i) Đây là khoản trái phiếu doanh nghiệp được cam kết bán cho một bên khác vào tháng 8 năm 2023 với giá bán quy định tại hợp đồng mua bán với Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS ("Công ty VPS"). Toàn bộ số trái phiếu trên được quản lý và phong tỏa tại Công ty VPS cho đến khi được bán cho bên khác.

Trong tháng 8 năm 2023, Công ty đã tất toán khoản trái phiếu có giá trị 28,5 tỷ VND từ đối tác doanh nghiệp và thu hồi bằng tiền.

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

6.1 Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Công ty Sabic Asia Pacific PTE Ltd	6.223.746.647	6.774.413.082
Công ty Gulf Polymers Distribution	3.378.600.079	2.742.572.157
Công ty Green Industria E Comercio De Plasticos	1.256.830.243	1.255.755.110
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 26)	19.311.521.100	17.825.719.200
TỔNG CỘNG	30.170.698.069	28.598.459.549
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(1.120.493.889)	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN (tiếp theo)

6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Trả trước cho người bán khác	442.315.073	285.750.000
Trả trước cho bên liên quan (Thuyết minh số 26)	7.064.350.000	10.254.250.000
TỔNG CỘNG	7.506.665.073	10.540.000.000

7. PHẢI THU KHÁC

	Đơn vị tính: VND			
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Phải thu từ hợp đồng hợp tác đầu tư (i)	17.329.788.153	(8.430.412.603)	17.329.788.153	(6.630.412.603)
Tạm ứng cho nhân viên	7.224.171.907	-	7.391.141.650	-
Lãi cho vay phải thu	1.529.106.577	-	1.820.969.863	-
Đặt cọc, ký quỹ ngắn hạn	1.034.447.349	-	1.034.447.349	-
Phải thu khác	402.295.461	-	148.442.530	-
TỔNG CỘNG	27.519.809.447	(8.430.412.603)	27.724.789.545	(6.630.412.603)
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>	22.402.539.790	(8.430.412.603)	21.677.004.800	(6.630.412.603)
<i>Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 26)</i>	5.117.269.657	-	6.047.784.745	-
Dài hạn				
Ký quỹ dài hạn	866.140.358	-	866.140.358	-
TỔNG CỘNG	866.140.358	-	866.140.358	-
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải thu dài hạn khác</i>	866.140.358	-	866.140.358	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)

- (i) Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 28.11/2017/HĐHT/HP-AP-BY ngày 28 tháng 11 năm 2017 giữa ba bên là Công ty, Công ty Cổ phần Thương mại và Du lịch Hoàng Phương (“Công ty Hoàng Phương”) và Công ty Cổ phần Du lịch Quốc tế Bảo Yên. Công ty đã góp vốn hợp tác đầu tư để thực hiện đóng mới, vận hành, khai thác tàu du lịch Hoàng Phương QN8589. Theo điều khoản của hợp đồng hợp tác đầu tư, Công ty nhận được phí khai thác cố định hàng tháng sau khi tàu đi vào vận hành. Công ty đang trong quá trình đàm phán với các đối tác để chuyển nhượng khoản đầu tư này.

Khoản phải thu ngắn hạn nêu trên bao gồm phí chuyển nhượng và lãi phải thu. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đối với khoản mục này theo Thông tư 48/2019/TT-BTC.

8. HÀNG TỒN KHO

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Nguyên liệu, vật liệu	486.613.080	-	556.715.446	-
Chi phí sản xuất dở dang	248.092.935	-	508.715.090	-
Công cụ, dụng cụ	153.994.038	-	164.278.369	-
Hàng đang đi trên đường	-	-	5.174.339.902	-
TỔNG CỘNG	888.700.053	-	6.404.048.807	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá:					
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	118.500.000	597.500.098	2.847.863.636	1.705.209.547	5.269.073.281
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.053.443.636)	-	(1.053.443.636)
Ngày 30 tháng 6 năm 2023	118.500.000	597.500.098	1.794.420.000	1.705.209.547	4.215.629.645
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết	-	-	-	40.454.545	40.454.545
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	80.114.919	129.432.635	1.082.964.981	902.994.965	2.195.507.500
- Khấu hao trong kỳ	7.406.250	38.489.586	153.973.403	148.366.320	348.235.559
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(113.018.645)	-	(113.018.645)
Ngày 30 tháng 6 năm 2023	87.521.169	167.922.221	1.123.919.739	1.051.361.285	2.430.724.414
Giá trị còn lại:					
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	38.385.081	468.067.463	1.764.898.655	802.214.582	3.073.565.781
Ngày 30 tháng 6 năm 2023	30.978.831	429.577.877	670.500.261	653.848.262	1.784.905.231

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

	Phần mềm máy vi tính	Bản quyền, bằng sáng chế	Đơn vị tính: VND
			Tổng cộng
Nguyên giá:			
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	1.016.612.200	2.593.217.753	3.609.829.953
Ngày 30 tháng 6 năm 2023	1.016.612.200	2.593.217.753	3.609.829.953
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã khấu hao hết</i>	57.198.200	-	57.198.200
Giá trị khấu hao lũy kế:			
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	295.659.451	46.339.019	341.998.470
- Hao mòn trong kỳ	88.781.744	72.081.474	160.863.218
Ngày 30 tháng 6 năm 2023	384.441.195	118.420.493	502.861.688
Giá trị còn lại:			
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	720.952.749	2.546.878.734	3.267.831.483
Ngày 30 tháng 6 năm 2023	632.171.005	2.474.797.260	3.106.968.265

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Đơn vị tính: VND
Giải pháp phần mềm SAP Analytics Cloud	3.485.120.688	2.178.200.430	
Mua sắm tài sản cố định	90.000.000	90.000.000	
TỔNG CỘNG	3.575.120.688	2.268.200.430	

Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023			Ngày 31 tháng 12 năm 2022			Đơn vị tính: VND
	Tỷ lệ nắm giữ trực tiếp	Giá gốc (VND)	Dự phòng (VND)	Giá trị hợp lý (VND)	Tỷ lệ nắm giữ trực tiếp	Giá gốc (VND)	
Đầu tư vào công ty con		3.203.742.855.083	-		3.433.689.845.867	-	
- Công ty Nhựa An Phát Xanh (i)	50,17%	2.799.079.302.446	- 2.071.303.855.200	52,79%	2.945.026.293.230	- 1.378.207.901.020	
- Công ty Nhựa Hà Nội (ii)	27,66%	404.563.552.637	- 303.412.635.400	27,66%	404.563.552.637	- 264.100.034.800	
- Công ty An Cường	0,02%	100.000.000	(iii)	0,02%	100.000.000	-	(iii)
- Công ty PBAT (Thuyết minh số 1)	0,00%	-	-	28,38%	84.000.000.000	-	(iii)
TỔNG CỘNG		3.203.742.855.083	-		3.433.689.845.867	-	

(i) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào Công ty Nhựa An Phát Xanh và Công ty Nhựa Hà Nội được tính dựa trên giá cổ phiếu của các công ty này trên thị trường chứng khoán vào ngày 30 tháng 6 năm 2023.

Các khoản đầu tư này được Công ty đầu tư với mục đích nắm giữ lâu dài, kết quả kinh doanh không bị lỗ, không có dấu hiệu mất vốn, do đó không trích lập dự phòng.

(ii) Một số cổ phiếu của các công ty con này đang được cầm cố cho khoản vay của Công ty như được trình bày tại Thuyết minh số 18.

(iii) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty đang trong quá trình thu thập dữ liệu cần thiết để đánh giá giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
Công ty Cổ phần công nghệ Citek	816.920.258	-
Công ty TNHH Hóa dầu Long Sơn	404.600.000	-
Công ty Sabic Asia Pacific PTE Ltd	-	14.717.894.400
Phải trả đối tượng khác	-	12.960.000
Phải trả bên liên quan ngắn hạn (Thuyết minh số 26)	497.469.998	8.704.800
TỔNG CỘNG	<u>1.718.990.256</u>	<u>14.739.559.200</u>

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
Đối tượng khác	-	49.450.000
Trả trước từ bên liên quan ngắn hạn (Thuyết minh số 26)	8.162.298.003	5.883.512.501
TỔNG CỘNG	<u>8.162.298.003</u>	<u>5.932.962.501</u>

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<i>Số đầu kỳ</i>	<i>Số phải nộp trong kỳ</i>	<i>Số đã nộp trong kỳ</i>	<i>Số cuối kỳ</i>
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	2.093.827.905	1.704.959.544	(3.618.724.342)	180.063.107
Thuế thu nhập cá nhân	264.653.249	1.062.380.801	(1.083.371.826)	243.662.224
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.988.526.228	-	(2.988.526.228)	-
Thuế, phí khác	-	445.378.452	(445.378.452)	-
TỔNG CỘNG	<u>5.347.007.382</u>	<u>3.212.718.797</u>	<u>(8.136.000.848)</u>	<u>423.725.331</u>

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
Lãi vay và lãi trái phiếu phải trả	13.624.409.318	15.100.273.973
TỔNG CỘNG	<u>13.624.409.318</u>	<u>15.100.273.973</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
Ngắn hạn		
Lãi vay phải trả	2.163.468.219	515.345.754
Phải trả theo thư tín dụng (L/C)	-	9.603.019.800
Cổ tức phải trả	-	818.096.266
Phải trả ngắn hạn khác	751.195.804	873.804.823
TỔNG CỘNG	2.914.664.023	11.810.266.643
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả ngắn hạn khác cho các bên liên quan (Thuyết minh số 26)</i>	<i>2.381.007.397</i>	<i>1.688.433.933</i>
<i>Phải trả đối tượng khác</i>	<i>533.656.626</i>	<i>10.121.832.710</i>
Dài hạn		
Lãi vay phải trả	5.705.471.055	-
TỔNG CỘNG	5.705.471.055	-
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả dài hạn khác cho các bên liên quan (Thuyết minh số 26)</i>	<i>5.705.471.055</i>	<i>-</i>

Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. VAY

	Ngày 31 tháng 12 năm 2022		Phát sinh trong kỳ		Ngày 30 tháng 6 năm 2023	
	Giá trị (đồng thời là số có khả năng trả nợ)	Giá trị (đồng thời là số có khả năng trả nợ)	Tăng	Giảm	Giá trị (đồng thời là số có khả năng trả nợ)	Giá trị (đồng thời là số có khả năng trả nợ)
Vay ngắn hạn						
Vay đối tượng khác	2.105.064.815	124.373.252		(2.229.438.067)	-	-
Vay ngân hàng						
(Thuyết minh số 18.1)	36.518.420.898	41.849.886.026		(60.733.843.719)	17.634.463.205	17.634.463.205
Trái phiếu phát hành dài hạn đến hạn trả						
(Thuyết minh số 18.2)	123.133.333.320	313.473.462.976		(12.427.185.184)	424.179.611.112	424.179.611.112
Vay bên liên quan						
(Thuyết minh số 26)	27.600.000.000	34.100.000.000		(2.600.000.000)	59.100.000.000	59.100.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	-	94.672.144		(56.803.278)	37.868.866	37.868.866
TỔNG CỘNG	189.356.819.033	389.642.394.398		(78.047.270.248)	500.951.943.183	500.951.943.183
Vay dài hạn						
Vay ngân hàng	151.475.422	-		(151.475.422)	-	-
Trái phiếu phát hành	445.479.166.668	4.520.833.332		(450.000.000.000)	-	-
Vay bên liên quan						
(Thuyết minh số 26)	3.000.000.000	298.750.000.000		(129.840.000.000)	171.910.000.000	171.910.000.000
Vay đối tượng khác	-	45.462.000.000		(45.462.000.000)	-	-
TỔNG CỘNG	448.630.642.090	348.732.833.332		(625.453.475.422)	171.910.000.000	171.910.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. VAY (tiếp theo)

18.1 Vay ngân hàng ngắn hạn

Số dư cuối kỳ bao gồm các khoản vay ngắn hạn ngân hàng theo các Hợp đồng vay vốn đáo hạn từ tháng 7 đến tháng 12 năm 2023 với lãi suất từ 7,5%/năm đến 13%/năm. Trong đó, bao gồm một khoản vay với số dư là 3,5 tỷ VND có tài sản đảm bảo là một số cổ phiếu AAA – Công ty Nhựa An Phát Xanh và khoản vay với số dư là 10,8 tỷ VND có tài sản đảm bảo là một số cổ phiếu của Công ty.

18.2 Trái phiếu phát hành

Số dư cuối kỳ gồm:

- (i) Trái phiếu hoán đổi có giá trị 124 tỷ VND được phát hành theo mệnh giá 100.000.000 VND/trái phiếu cho các đối tác vào tháng 7 năm 2020 với thời hạn 3 năm, đáo hạn vào tháng 7 năm 2023. Trái phiếu này có lãi suất cố định 8%/năm và được thế chấp bởi tài sản đảm bảo là một số cổ phiếu của Công ty Nhựa An Phát Xanh và một số cổ phiếu của Công ty Nhựa Hà Nội. Theo điều khoản của trái phiếu hoán đổi này, các trái chủ có quyền, vào bất cứ lúc nào trong khoảng thời gian từ ngày 3 tháng 7 năm 2021 đến ngày đáo hạn của trái phiếu, hoán đổi tất cả hoặc bất kỳ trái phiếu theo cách thức được quy định trong hợp đồng thành cổ phần phổ thông của AAA hoặc của NHH, với điều kiện là khi hoán đổi tất cả các trái phiếu thành cổ phần hoán đổi, tỷ lệ hoán đổi tối đa của cổ phiếu phổ thông của AAA hoặc NHH không được vượt quá 75% tiền gốc của trái phiếu.

Ban Tổng Giám Đốc đánh giá rằng không có yếu tố công cụ vốn trong trái phiếu trên do cổ phiếu có thể được hoán đổi là cổ phiếu của công ty con và trái chủ có quyền yêu cầu thanh toán khoản gốc trái phiếu bằng tiền, do đó, đã ghi nhận toàn bộ các khoản trái phiếu này là nợ phải trả thuộc khoản mục vay ngắn hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

- (ii) Trái phiếu thường có giá trị 302 tỷ VND sau khi Hội đồng quản trị thông qua phương án mua lại một phần khoản trái phiếu APH-H2124-001 giá trị 450 tỷ trước hạn theo Nghị quyết số 230301/2023/NQ – HĐQT ngày 23 tháng 3 năm 2023, với khối lượng trái phiếu mua lại theo mệnh giá là 148 tỷ VND. Trái phiếu được phát hành theo mệnh giá 100.000.000 VND/trái phiếu cho các đối tác vào tháng 3 năm 2021 với thời hạn 3 năm, đáo hạn vào tháng 4 năm 2024. Trái phiếu này có lãi suất cố định 9%/năm trong 2 năm đầu và 11,67%/năm cho năm thứ ba và được thế chấp bởi tài sản đảm bảo là một số cổ phiếu của Công ty được sở hữu bởi một đối tác doanh nghiệp, một số cổ phiếu Công ty Nhựa An Phát Xanh và một số cổ phiếu Công ty Nhựa Hà Nội được sở hữu bởi Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 *Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

	Vốn cổ phần đã phát hành	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND Tổng cộng
Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022				
Vào ngày 1 tháng 1 năm 2022	2.024.223.220.000	657.000.439.100	111.887.701.260	2.793.111.360.360
- Tăng vốn trong kỳ	487.768.260.000	(487.768.260.000)	-	-
- Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	80.877.545.680	80.877.545.680
- Chia cổ tức cho cổ đông năm giữ cổ phiếu ưu đãi	-	-	(2.801.332.223)	(2.801.332.223)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	2.511.991.480.000	169.232.179.100	189.963.914.717	2.871.187.573.817
Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023				
Vào ngày 1 tháng 1 năm 2023	2.511.991.480.000	169.232.179.100	173.117.385.191	2.854.341.044.291
- Lỗ thuần trong kỳ	-	-	(44.635.425.823)	(44.635.425.823)
- Chia cổ tức cho cổ đông năm giữ cổ phiếu ưu đãi	-	-	(503.696.493)	(503.696.493)
- Giảm do mua lại cổ phiếu ưu đãi (i)	(73.148.800.000)	(140.727.360.920)	-	(213.876.160.920)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	2.438.842.680.000	28.504.818.180	127.978.262.875	2.595.325.761.055

(i) Theo Nghị quyết số 291/102/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết số 12/1201/2022/NQ-HĐQT ngày 12 tháng 12 năm 2022, Hội đồng quản trị thông qua phương án mua lại cổ phần ưu đãi cổ tức, hoàn lại và có thể chuyển đổi năm 2018 ("Cổ phiếu ưu đãi"), Công ty đã hoàn tất mua lại 7.314.880 cổ phiếu ưu đãi với giá mua 29.239 VND/cổ phiếu trong tháng 3 năm 2023. Sau giao dịch này, vốn cổ phần đã phát hành của Công ty giảm 73,1 tỷ VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.2 Cổ tức

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Cổ tức đã công bố trong kỳ		
<i>Cổ tức đã chia cho cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi</i>	503.696.493	2.801.332.223

19.3 Cổ phần

	<u>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</u>		<u>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị (VND)</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị (VND)</u>
Cổ phần đăng ký phát hành				
<i>Cổ phần phổ thông</i>	243.884.268	2.438.842.680.000	243.884.268	2.438.842.680.000
<i>Cổ phần ưu đãi (*)</i>	-	-	7.314.880	73.148.800.000
Cổ phần đã bán ra công chúng				
<i>Cổ phần phổ thông</i>	243.884.268	2.438.842.680.000	243.884.268	2.438.842.680.000
<i>Cổ phần ưu đãi (*)</i>	-	-	7.314.880	73.148.800.000
Cổ phần đang lưu hành				
<i>Cổ phần phổ thông</i>	243.884.268	2.438.842.680.000	243.884.268	2.438.842.680.000
<i>Cổ phần ưu đãi (*)</i>	-	-	7.314.880	73.148.800.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 10.000 VND/cổ phần).

(*) Theo Hợp đồng mua cổ phần ưu đãi ngày 31 tháng 1 năm 2018, Công ty KB đã mua 14.114.880 cổ phần ưu đãi cổ tức với tổng số tiền là 352.872.000.000 VND, trong đó số tiền 141.148.800.000 VND đã được ghi nhận vào vốn cổ phần đã góp theo mệnh giá cổ phiếu ưu đãi và phần còn lại với số tiền là 211.723.200.000 VND đã được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Cổ phần ưu đãi cổ tức này có mức cổ tức phải trả tương đương với 3%/năm của giá phát hành ban đầu. Cổ phần ưu đãi cổ tức có quyền hoán đổi sang cổ phần phổ thông của Công ty theo quyền chọn của KB bất cứ lúc nào trong khoảng thời gian (i) bắt đầu từ ngày đầu tiên của kỳ hạn ba mươi (30) tháng kể từ ngày phát hành hoặc vào ngày kết thúc một đợt phát hành cổ phần phổ thông lần đầu ra công chúng (IPO), tùy theo thời điểm nào đến sớm hơn, và (ii) ngày cuối cùng của thời hạn năm (5) năm kể từ ngày phát hành và một số quyền chọn khác của KB được quy định trong Hợp đồng mua cổ phần ưu đãi và Hợp đồng quyền chọn ngày 31 tháng 1 năm 2018.

Vào ngày 17 tháng 12 năm 2020, Hội đồng Quản trị đã thông qua Nghị quyết số 17/201/2020/NQ – HĐQT, thông qua kết quả phát hành 6.800.000 cổ phiếu phổ thông để chuyển đổi cổ phần ưu đãi với giá chuyển đổi là 25.000 VND/ cổ phiếu, tương ứng với tỷ lệ chuyển đổi là 1 cổ phiếu phổ thông/1 cổ phiếu ưu đãi.

Trong tháng 3 năm 2023, Công ty đã hoàn tất mua lại 7.314.880 cổ phần ưu đãi cổ tức như trình bày tại Thuyết minh 19.1. Sau giao dịch này, vốn cổ phần đã phát hành của Công ty giảm 73,1 tỷ VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. DOANH THU

20.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Tổng doanh thu	16.771.419.146	79.463.585.017
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng</i>	<i>8.467.740.453</i>	<i>63.351.771.887</i>
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	<i>8.303.678.693</i>	<i>16.111.813.130</i>
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	16.771.419.146	79.463.585.017
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu đối với bên khác</i>	<i>1.583.243.052</i>	<i>53.262.853.556</i>
<i>Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 26)</i>	<i>15.188.176.094</i>	<i>26.200.731.461</i>

20.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Lãi từ chuyển nhượng các khoản đầu tư	33.600.000.000	129.363.242.375
Cổ tức, lợi nhuận được chia	10.080.154.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	557.393.229	1.536.711.961
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	145.378.964	16.254.133.619
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	371.220.426
TỔNG CỘNG	44.382.926.193	147.525.308.381

21. GIÁ VỐN CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Giá vốn hàng bán	8.404.912.084	59.028.289.986
Giá vốn cung cấp dịch vụ	2.188.951.385	406.168.772
TỔNG CỘNG	10.593.863.469	59.434.458.758

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Chi phí lãi vay	33.932.415.499	29.140.533.466
Lỗ từ chuyển nhượng cổ phiếu, hoán đổi trái phiếu	29.799.880.784	22.349.980.462
Chi phí phát hành trái phiếu phân bổ	3.567.111.124	2.674.999.998
Chi phí tài chính khác	370.903.328	664.883.793
TỔNG CỘNG	<u>67.670.310.735</u>	<u>54.830.397.719</u>

23. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Chi phí nhân viên quản lý	13.929.480.518	11.040.885.918
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.011.547.736	6.872.987.907
Chi phí khấu hao và hao mòn	437.017.303	391.600.500
Chi phí dự phòng	2.920.493.889	-
Chi phí bằng tiền khác	1.134.015.286	2.190.058.501
TỔNG CỘNG	<u>26.432.554.732</u>	<u>20.495.532.826</u>

24. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Chi phí nhân viên	16.019.220.514	11.447.054.690
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.102.779.155	8.786.598.711
Chi phí khấu hao và hao mòn	509.098.777	391.600.500
Chi phí dự phòng	2.920.493.889	-
Chi phí bằng tiền khác	1.134.015.286	2.239.371.368
TỔNG CỘNG	<u>28.685.607.621</u>	<u>22.864.625.269</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

25.1 Chi phí thuế TNDN

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Tổng (lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế	(44.635.425.823)	90.754.185.766
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	(8.927.085.165)	18.150.837.153
<i>Điều chỉnh cho:</i>		
Điều chỉnh thuế TNDN theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP	6.757.407.307	(3.657.439.553)
Tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa được ghi nhận liên quan đến khoản lỗ thuế	3.675.174.036	-
Doanh thu hoa hồng kỳ trước	516.077.576	-
Các khoản chi phí không hợp lý hợp lệ	224.564.053	190.089.088
Thu nhập từ hoạt động không thuộc diện nộp thuế TNDN	(2.016.030.800)	(74.244.085)
Chuyển lỗ năm trước	-	(4.108.457.180)
Khác	(230.107.007)	(624.145.337)
Chi phí thuế TNDN	-	9.876.640.086

25.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

25.3 Lỗi thuế chuyển sang từ năm trước

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Công ty có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 18,4 tỷ VND (31 tháng 12 năm 2022: 0 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Đơn vị tính: VND

Năm/giai đoạn tài chính phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế (*)	Đã chuyển lỗ đến ngày 30/06/2023	Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ tại ngày 30/06/2023
2018	2023	24.436.143.629	(24.436.143.629)	-	-
2019	2024	3.823.735.471	(3.823.735.471)	-	-
2023	2028	18.375.870.182	-	-	18.375.870.182
TỔNG CỘNG		46.635.749.282	(28.259.879.100)	-	18.375.870.182

(*) Đây là các khoản lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương kiểm tra vào ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này. Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ lũy kế nêu trên do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai tại thời điểm này.

Chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định

Công ty được phép chuyển các khoản chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định chưa được trừ khi tính thuế TNDN cho năm hiện tại (“chi phí lãi vay chưa được trừ”) sang năm sau khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ của năm sau. Thời gian chuyển chi phí lãi vay sang năm sau được tính liên tục không quá 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản chi phí lãi vay chưa được trừ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Công ty có các khoản chi phí lãi vay chưa được trừ lũy kế có thể sử dụng trong tương lai như sau:

Đơn vị tính: VND

Năm phát sinh	Có thể được chuyển thành chi phí lãi vay được trừ thuế đến năm	Chi phí lãi vay chưa được trừ thuế phát sinh	Chi phí lãi vay chưa được trừ đã chuyển sang năm sau tính đến ngày 30/6/2023	Chi phí lãi vay chưa được trừ không còn được chuyển sang năm sau đến ngày 30/6/2023	Chi phí lãi vay chưa được trừ chưa chuyển sang năm sau tại ngày 30/6/2023
2018	2023	1.286.137.196	-	-	1.286.137.196
2019	2024	9.089.540.057	-	-	9.089.540.057
2020	2025	14.030.540.484	-	-	14.030.540.484
2021	2026	15.336.672.508	-	-	15.336.672.508
2022	2027	6.083.874.325	-	-	6.083.874.325
2023	2028	33.787.036.535	-	-	33.787.036.535
TỔNG CỘNG		79.613.801.105	-	-	79.613.801.105

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần chi phí lãi vay không được khấu trừ còn lại trị giá 79,6 tỷ VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 45,8 tỷ VND) do không thể dự tính được liệu chi phí lãi vay không được khấu trừ này có thể sẽ được sử dụng trong thời gian cho phép còn lại hay không.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên có liên quan của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 được trình bày tại mục (VII) trong Báo cáo tình hình quản trị số 2807/2023/BC – APH theo các quy định pháp luật và đã được công bố thông tin đại chúng ngày 28 tháng 7 năm 2023.

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
			Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Công ty Nhựa An Phát Xanh	Công ty con	Chuyển nhượng cổ phần	74.200.000.000	370.134.030.000
Công ty An Thành	Công ty con	Đi vay	143.700.000.000	-
		Trả gốc vay	119.500.000.000	-
		Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	8.425.649.545	-
		Chi phí lãi vay	2.482.861.647	-
Công ty Nhựa Hà Nội	Công ty con	Góp vốn	-	181.850.430.000
		Chuyển nhượng cổ phần	43.400.000.000	1.400.000.000
		Cổ tức được chia	10.080.154.000	-
Công ty An Cường	Công ty con	Cho vay	-	60.000.000.000
		Nhận lại gốc cho vay	-	60.000.000.000
		Đi vay	36.000.000.000	-
Công ty An Vinh	Công ty con	Đi vay	25.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Anbio	Công ty cùng lãnh đạo chủ chốt	Đi vay	2.000.000.000	-
		Trả gốc vay	2.000.000.000	-
		Nhận lại gốc cho vay	-	59.750.000.000
Công ty An Phát Complex	Công ty con	Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.536.363.638	-
		Đi vay	30.600.000.000	-
		Cho vay	-	194.000.000.000
		Nhận lại gốc cho vay	-	194.000.000.000
Công ty An Trung	Công ty con	Đi vay	27.500.000.000	-
		Nhận lại gốc cho vay	-	11.425.000.000
Công ty An Tín	Công ty con	Đi vay	39.200.000.000	-
		Chi phí lãi vay	2.166.317.808	-
Công ty PBAT	Công ty con	Đi vay	20.850.000.000	-
		Trả gốc vay	2.340.000.000	-
		Nhận lại gốc cho vay	5.170.000.000	-
		Góp vốn	-	14.000.000.000
Công ty APA	Công ty con	Doanh thu bán hàng	-	11.108.641.876
		Mua hàng hóa, dịch vụ	-	4.198.487.055
Công ty Ankor	Công ty con từ 30 tháng 6 năm 2023	Nhận lại tiền đã tạm ứng để mua hàng hóa	3.189.900.000	-
		Doanh thu bán hàng	-	15.083.735.040

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan bao gồm: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Cho giai đoạn tài	Cho giai đoạn tài
			chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Công ty VMC	Công ty con	Cho vay Nhận lại gốc cho vay	-	10.400.000.000 13.400.000.000
Phạm Đỗ Huy Cường	Lãnh đạo chủ chốt	Tạm ứng Hoàn ứng	153.692.592 136.359.125	14.197.020.101 -
Phạm Ánh Dương	Lãnh đạo chủ chốt	Tạm ứng	-	3.328.000.000

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Công ty mua và bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, cho vay và đi vay với các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu phải trả tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 không cần bảo đảm, không có lãi suất (ngoại trừ các khoản phải thu về cho vay và đi vay có lãi suất) và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty do các khoản này còn trong hạn thanh toán (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 0 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi kỳ thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6	Ngày 31 tháng 12
			năm 2023	năm 2022
<i>Đơn vị tính: VND</i>				
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 6.1)				
Công ty Ankor	Công ty con từ tháng 6 năm 2023	Phải thu bán hàng hóa	14.614.721.100	14.602.219.200
Công ty Nam Việt	Công ty liên kết	Phải thu về cung cấp dịch vụ	3.223.500.000	3.223.500.000
Công ty An Phát Complex	Công ty con	Phải thu về cung cấp dịch vụ	990.000.000	-
Công ty An Vinh	Công ty con	Phải thu bán hàng hóa	406.300.000	-
Công ty An Trung	Công ty con	Phải thu về cung cấp dịch vụ	77.000.000	-
			19.311.521.100	17.825.719.200
Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 6.2)				
Công ty Ankor	Công ty con từ tháng 6 năm 2023	Trả trước tiền hàng	7.064.350.000	10.254.250.000
			7.064.350.000	10.254.250.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

			<i>Đơn vị tính: VND</i>	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
<i>Phải thu về cho vay ngắn hạn</i>				
Công ty PBAT	Công ty con	Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	3.870.000.000
			-	3.870.000.000
<i>Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 7)</i>				
Ông Phạm Đỗ Huy Cường	Lãnh đạo chủ chốt	Tạm ứng	4.002.571.859	3.985.238.392
Công ty Ankor	Công ty con từ tháng 6 năm 2023	Đặt cọc	927.062.349	927.062.349
Ông Đinh Xuân Cường	Lãnh đạo chủ chốt	Tạm ứng	-	738.716.155
Bà Nguyễn Thị Tiệp	Lãnh đạo chủ chốt	Tạm ứng	120.532.283	120.532.283
Ông Nguyễn Lê Thăng Long	Lãnh đạo chủ chốt	Tạm ứng	67.103.166	15.124.206
Bên liên quan khác		Lãi vay và phải thu khác	-	261.111.360
			5.117.269.657	6.047.784.745
<i>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 13)</i>				
Công ty Nhựa An Phát Xanh	Công ty con	Phải trả mua hàng hóa, dịch vụ	497.469.998	-
Công ty An Tín	Công ty con	Phải trả mua hàng hóa, dịch vụ	-	8.704.800
			497.469.998	8.704.800
<i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn (Thuyết minh số 14)</i>				
Công ty An Thành	Công ty con	Ứng trước mua hàng hóa, dịch vụ	6.762.298.003	5.883.512.501
Công ty Nhựa Hà Nội	Công ty con	Ứng trước mua hàng hóa, dịch vụ	1.400.000.000	-
			8.162.298.003	5.883.512.501
<i>Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 17)</i>				
Công ty An Tín	Công ty con	Lãi vay	1.819.726.027	618.306.982
Công ty Nam Việt	Công ty liên kết	Lãi vay	239.342.466	160.000.000
Công ty An Cường	Công ty con	Lãi vay	143.603.288	92.030.685
Công ty An Vinh	Công ty con	Lãi vay	125.753.425	-
Công ty An Trung	Công ty con	Lãi vay	45.308.219	-
Công ty An Phát Complex	Công ty con	Lãi vay	7.273.972	-
Công ty KB	Cổ đông (đến ngày 9 tháng 3 năm 2023)	Cổ tức phải trả	-	818.096.266
			2.381.007.397	1.688.433.933

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
<i>Phải trả dài hạn khác (Thuyết minh số 17)</i>				
Công ty An Thành	Công ty con	Lãi vay	2.482.861.647	-
Công ty An Cường	Công ty con	Lãi vay	855.228.999	-
Công ty An Phát Complex	Công ty con	Lãi vay	632.958.904	-
Công ty An Trung	Công ty con	Lãi vay	556.109.587	-
Công ty An Tín	Công ty con	Lãi vay	509.906.849	-
Công ty An Vinh	Công ty con	Lãi vay	409.863.014	-
Công ty PBAT	Công ty con	Lãi vay	258.542.055	-
			5.705.471.055	-

<i>Vay ngắn hạn (Thuyết minh số 18)</i>				
Công ty An Tín (i)	Công ty con	Vay ngắn hạn	44.000.000.000	24.000.000.000
Công ty Nam Việt	Công ty liên kết	Vay ngắn hạn	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty An Cường (i)	Công ty con	Vay ngắn hạn	4.600.000.000	1.600.000.000
Công ty An Trung (i)	Công ty con	Vay ngắn hạn	3.500.000.000	-
Công ty An Vinh (i)	Công ty con	Vay ngắn hạn	5.000.000.000	-
			59.100.000.000	27.600.000.000

(i) Đây là các khoản vay các công ty con không có tài sản đảm bảo theo các hợp đồng cho vay đáo hạn từ tháng 9 năm 2023 đến tháng 6 năm 2024 và hưởng lãi suất từ 7,5%/năm đến 9%/năm.

<i>Vay dài hạn (Thuyết minh số 18)</i>				
Công ty An Cường (ii)	Công ty con	Vay dài hạn	36.000.000.000	3.000.000.000
Công ty An Phát Complex (ii)	Công ty con	Vay dài hạn	30.000.000.000	-
Công ty An Vinh (ii)	Công ty con	Vay dài hạn	20.000.000.000	-
Công ty An Thành (ii)	Công ty con	Vay dài hạn	24.200.000.000	-
Công ty An Trung (ii)	Công ty con	Vay dài hạn	24.000.000.000	-
Công ty An Tín (ii)	Công ty con	Vay dài hạn	19.200.000.000	-
Công ty PBAT (ii)	Công ty con	Vay dài hạn	18.510.000.000	-
			171.910.000.000	3.000.000.000

(ii) Đây là các khoản vay các công ty con không có tài sản đảm bảo theo các hợp đồng cho vay đáo hạn từ tháng 8 năm 2024 đến tháng 5 năm 2025 và hưởng lãi suất 8,5%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị (“HĐQT”) và Ban Tổng Giám đốc:

Tên	Chức vụ	Đơn vị tính: VND	
		Thu nhập	
		Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Ông Phạm Ánh Dương	Chủ tịch HĐQT	90.000.000	90.000.000
Ông Nguyễn Lê Trung	Phó Chủ tịch HĐQT	60.000.000	60.000.000
Bà Nguyễn Thị Tiệp	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Thường trực (bổ nhiệm ngày 6 tháng 2 năm 2023)	1.153.048.000	349.582.202
Ông Đinh Xuân Cường	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 27 tháng 1 năm 2023)	-	342.838.000
Ông Phạm Đỗ Huy Cường	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 27 tháng 1 năm 2023)	1.177.993.000	299.912.000
Ông Nguyễn Lê Thăng Long	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	60.000.000	60.000.000
Ông Nirav Sudhir Patel	Thành viên HĐQT	60.000.000	60.000.000
Ông Lim Heon Young	Thành viên HĐQT	60.000.000	60.000.000
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2022)	-	189.732.489
TỔNG CỘNG		2.661.041.000	1.512.064.691

Thù lao của ban kiểm soát:

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Thù lao của Ban kiểm soát	66.000.000	66.000.000
	66.000.000	66.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp. Các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau bao gồm các bộ phận kinh doanh: cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý và bán hàng hóa, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất sản phẩm về nhựa.

Công ty theo dõi hoạt động một cách riêng biệt cho từng bộ phận cho mục đích ra quyết định phân bổ nguồn lực và đánh giá kết quả hoạt động. Kết quả hoạt động của từng bộ phận được đánh giá dựa trên lãi lỗ và được xác định một cách nhất quán với lãi lỗ của Công ty trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Tuy nhiên, hoạt động tài chính của Công ty (bao gồm chi phí tài chính và doanh thu tài chính) được theo dõi trên cơ sở tập trung và không phân bổ cho từng bộ phận.

Ban Tổng Giám đốc cũng xác định hoạt động kinh doanh tạo ra doanh thu và lợi nhuận của Công ty chủ yếu được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Cung cấp dịch vụ	Bán hàng hóa	Điều chỉnh và loại trừ	Đơn vị tính: VND
				Tổng cộng
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày				
Doanh thu				
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	8.303.678.693	8.467.740.453	-	16.771.419.146
Tổng doanh thu	8.303.678.693	8.467.740.453	-	16.771.419.146
Kết quả hoạt động kinh doanh				
Khấu hao và hao mòn	503.921.026	5.177.751	-	509.098.777
Lô trước thuế theo bộ phận	(20.048.997.099)	(270.103.460)	-	(20.319.100.559)
Chi phí trước thuế không phân bổ	-	-	-	(24.316.325.264)
Các thông tin bộ phận khác				
Chi phí mua sắm TSCĐ và xây dựng cơ bản tăng trong kỳ	485.016.492	4.983.508	-	490.000.000
Tài sản bộ phận	21.404.632.786	23.642.422.912	-	45.047.055.698
Tài sản không phân bổ			3.258.265.727.584	3.258.265.727.584
Tổng tài sản tại ngày 30 tháng 6 năm 2023			3.303.312.783.282	3.303.312.783.282
Tổng nợ phải trả theo bộ phận			-	12.456.809.317
Tổng nợ phải trả không phân bổ			-	695.530.212.910
Tổng nợ phải trả tại ngày 30 tháng 6 năm 2023	5.265.836.008	7.190.973.309	-	707.987.022.227

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau: (tiếp theo)

	Cung cấp dịch vụ VND	Bán hàng hóa VND	Điều chỉnh và loại trừ VND	Tổng cộng VND
Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022				
Doanh thu				
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	16.111.813.130	63.351.771.887	-	79.463.585.017
Tổng doanh thu	16.111.813.130	63.351.771.887	-	79.463.585.017
Kết quả hoạt động kinh doanh				
Khấu hao và hao mòn	307.069.720	84.530.780	-	391.600.500
Lỗ trước thuế theo bộ phận	(365.728.169)	(1.725.563.696)	-	(2.091.291.865)
Thu nhập trước thuế không phân bổ	-	-	-	92.845.477.631
Các thông tin bộ phận khác				
Chi phí mua sắm TSCĐ và xây dựng cơ bản tăng trong kỳ	1.722.917.075	474.288.136	-	2.197.205.211
Tài sản bộ phận	23.896.692.183	34.020.610.011	-	57.917.302.194
Tài sản không phân bổ			3.433.957.001.772	3.433.957.001.772
Tổng tài sản tại ngày 30 tháng 06 năm 2022			3.491.874.303.966	3.491.874.303.966
Tổng nợ phải trả theo bộ phận			-	2.096.909.367
Tổng nợ phải trả không phân bổ				618.589.820.782
Tổng nợ phải trả tại ngày 30 tháng 06 năm 2022				620.686.730.149

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. CÁC CAM KẾT

Cam kết về thuê hoạt động

Công ty đã thuê văn phòng và ô tô theo hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, số tiền cam kết thuê tối thiểu phải trả trong tương lai của Công ty theo các hợp đồng thuê hoạt động ước tính như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
Đến 1 năm	2.647.806.433	3.099.372.132
Từ 1 đến 5 năm	6.570.738.216	7.607.697.080
TỔNG CỘNG	<u>9.218.544.649</u>	<u>10.707.069.212</u>

Cam kết khác

Công ty đã thế chấp một số cổ phiếu AAA của Công ty Nhựa An Phát Xanh và một số cổ phiếu NHH của Công ty Nhựa Hà Nội, được nắm giữ bởi Công ty, cho các khoản vay ngân hàng và các khoản trái phiếu phát hành bởi Công ty Nhựa An Phát Xanh cho Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam, Tập đoàn Shinhan Investment, Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam – Chi nhánh TP Hồ Chí Minh và Ngân hàng Keb Hana – Chi nhánh TP Hồ Chí Minh.

29. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

<i>Khoản mục</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
Ngoại tệ các loại		
Yên Nhật (JPY)	81.000	81.000
Đô la Mỹ (USD)	16.652	15.665
Dirham (DIR)	1.680	1.680

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

30. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Trong tháng 7 năm 2023, Công ty đã thanh toán khoản trái phiếu hoán đổi có giá trị 124 tỷ VND được phát hành theo mệnh giá 100.000.000 VND/trái phiếu cho các đối tác vào tháng 7 năm 2020.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.



Hồ Thị Hòe
Người lập kèm Kế toán trưởng



Phạm Đỗ Huy Cường
Tổng Giám đốc



Hải Dương, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2023